

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo 2

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất
nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; nguyên tắc tổ chức, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ và khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá; quyền, trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

2. Sản phẩm, hàng hoá được sản xuất ở nước ngoài và không tiêu thụ, kinh doanh tại Việt Nam không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quản lý nhà nước về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; quản lý, vận hành, khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, gia công, kinh doanh, phân phối, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, lưu kho sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử đối với sản phẩm, hàng hoá.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia khai thác, sử dụng thông tin trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa.

5. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Mã định danh sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi là mã UID)* là mã truy vết sản phẩm được tạo lập trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, được thể hiện thông qua vật mang dữ liệu phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và tương thích tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng nhận diện, thu thập, chia sẻ và xác minh thông tin trong môi trường số và trong chuỗi cung ứng.

2. *Mã định danh phi tập trung (sau đây gọi là mã DID)* là dãy kí tự duy nhất được tạo lập trên Nền tảng chuỗi khối quốc gia, gắn với một chủ thể là tổ chức, cá nhân hoặc sản phẩm, hàng hóa, được sử dụng để phục vụ việc tạo lập chứng chỉ số, bằng chứng số, định danh, xác thực phi tập trung tổ chức, cá nhân và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

3. *Nền tảng chuỗi khối quốc gia* là nền tảng số dùng chung do Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành, bao gồm hạ tầng công nghệ dữ liệu được thiết kế, xây dựng và vận hành trên công nghệ chuỗi khối nhằm bảo đảm tính toàn vẹn, minh bạch, xác thực và khả năng truy vết độc lập của dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia.

4. *Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa* là hệ thống công nghệ thông tin do Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành, phục vụ định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, bao gồm phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu, được xây dựng dựa trên công nghệ chuỗi khối, công nghệ trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số khác (nếu có).

5. *Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa* là cơ sở dữ liệu dùng chung do Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành, tập hợp thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hóa được tạo lập, thu thập, cập nhật, quản lý và khai thác thông qua Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

6. *Chứng chỉ số* là gói dữ liệu có cấu trúc do bên phát hành chứng chỉ số tạo lập và ký bằng khóa bí mật phục vụ xác nhận, xác thực dữ liệu của mình, mô tả một hoặc nhiều thuộc tính về đối tượng của chứng chỉ số, được sử dụng trong giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. *Bằng chứng số* là gói dữ liệu do bên tạo lập và cung cấp bằng chứng số tạo lập và ký bằng khóa bí mật phục vụ xác nhận, xác thực dữ liệu của mình để cung cấp cho bên sử dụng bằng chứng số theo một yêu cầu cụ thể. Bằng chứng số có thể bao gồm một hoặc nhiều chứng chỉ số, bao gồm cơ chế tiết lộ dữ liệu tối thiểu và chia sẻ dữ liệu ẩn danh (nếu có); được sử dụng trong giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. *Bên phát hành chứng chỉ số* là cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hành và ký chứng chỉ số, được xác định bằng mã định danh phi tập trung, chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung chứng chỉ số và việc công bố khóa công khai phục vụ xác minh.

9. *Bên tạo lập và cung cấp bằng chứng số* là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền quyết định việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng và trao đổi giá trị của dữ liệu do mình sở hữu; có quyền tạo lập bằng chứng số từ một hoặc nhiều chứng chỉ số để cung cấp cho bên sử dụng bằng chứng số theo yêu cầu hợp lệ, được xác định bằng mã định danh phi tập trung.

10. *Bên sử dụng bằng chứng số* là cơ quan, tổ chức, cá nhân đưa ra yêu cầu kiểm chứng dữ liệu, tiếp nhận, kiểm tra và xác minh bằng chứng số do bên tạo lập và cung cấp bằng chứng số cung cấp. Bên sử dụng bằng chứng số có trách nhiệm bảo đảm nguyên tắc tối thiểu hóa khi yêu cầu chia sẻ dữ liệu, chỉ yêu cầu những dữ liệu cần thiết cho mục đích sử dụng hợp pháp.

11. *Khóa bí mật phục vụ xác nhận, xác thực dữ liệu (sau đây gọi là khóa bí mật)* là một phần của cặp khóa không đối xứng được cấp cho bên phát hành chứng chỉ số, bên tạo lập và cung cấp bằng chứng số, bên sử dụng bằng chứng số, sử dụng để ký chứng chỉ số, bằng chứng số hoặc để giải mã dữ liệu theo quy định.

12. *Khóa công khai phục vụ xác nhận, xác thực dữ liệu (sau đây gọi là khóa công khai)* là một phần của cặp khóa không đối xứng được cấp cho bên phát hành chứng chỉ số, bên tạo lập và cung cấp bằng chứng số, bên sử dụng bằng chứng số, được dùng để kiểm tra tính xác thực và toàn vẹn của chứng chỉ số hoặc bằng chứng số được tạo ra từ khóa bí mật để xác nhận, xác thực dữ liệu tương ứng hoặc mã hóa dữ liệu gửi đến chủ thể, đảm bảo an toàn trong các giao dịch điện tử.

13. *Dữ liệu chủ về sản phẩm, hàng hoá* là tập hợp thông tin cốt lõi, có tính dùng chung và tương đối ổn định, phản ánh các thuộc tính nhận diện cơ bản của sản phẩm, hàng hoá và các chủ thể liên quan, bao gồm: Tên sản phẩm, hàng hoá; Hình ảnh sản phẩm, hàng hoá; Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh; Địa chỉ đơn vị sản xuất, kinh doanh; Xuất xứ sản phẩm, hàng hoá; Các sự kiện theo dõi trọng yếu và thời gian diễn ra sự kiện trong chuỗi cung ứng; Thương hiệu, nhãn hiệu, số lô/mẻ hoặc số sê-ri sản phẩm (nếu có); Hạn sử dụng của sản phẩm, hàng hoá (nếu có); Các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn cơ sở được áp dụng.

14. *Dữ liệu đặc tả (Metadata)* là những thông tin mô tả các đặc tính của dữ liệu như nội dung, định dạng, chất lượng, điều kiện và các đặc tính khác nhằm tạo thuận lợi cho quá trình tìm kiếm, truy cập, quản lý và lưu trữ dữ liệu.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, quản lý và sử dụng, khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa

1. Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa được xây dựng và quản lý tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương. Các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi quản lý và sử dụng.

2. Việc xây dựng, quản lý và sử dụng, khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa bảo đảm phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công khai, minh bạch thông tin, dữ liệu về định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được cấp quyền truy cập để khởi tạo, chia sẻ, cập nhật, cung cấp thông tin, dữ liệu và thực hiện tra cứu, quản lý sản phẩm, hàng hoá theo phân quyền của cơ quan quản lý nhà nước.

4. Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa được xây dựng có tính mở, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về cơ sở dữ liệu, giao diện lập trình ứng dụng, mô hình phân quyền; đáp ứng quy định theo Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan; được quản lý tập trung, thống nhất tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

5. Các thông tin, dữ liệu được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa phải được làm sạch dữ liệu; có nguồn xác thực hợp pháp, phản ánh đúng hiện trạng về pháp lý; đầy đủ các trường thông tin theo quy định tại Nghị định này, được cập nhật thường xuyên theo quy định; mọi bản ghi dữ liệu được lưu vết truy cập, chỉnh sửa, cập nhật, đảm bảo khả năng truy xuất lịch sử thay đổi và biến động dữ liệu.

6. Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa được quản lý chặt chẽ, bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân; bảo đảm hiệu quả, đơn giản, thuận tiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện dịch vụ công, thủ tục hành chính và các hoạt động khác.

7. Thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hóa được thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng đảm bảo đầy đủ, chính xác, đồng bộ, thống nhất. Cơ quan, tổ

chức, cá nhân thực hiện kê khai, cung cấp dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của thông tin, dữ liệu do mình kê khai, cung cấp theo quy định của pháp luật.

8. Bảo đảm quyền của tổ chức, cá nhân được truy cập kịp thời, đầy đủ và sử dụng thông tin, dữ liệu đúng mục đích trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá theo quy định của pháp luật.

9. Mỗi thông tin, dữ liệu phản ánh sản phẩm, hàng hoá và các hoạt động gắn với sản phẩm, hàng hoá, khi được yêu cầu định danh và xác thực để bảo đảm độ tin cậy phải được ghi nhận bằng các chứng chỉ số và bằng chứng số thông qua Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá theo quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II

HOẠT ĐỘNG ĐỊNH DANH, XÁC THỰC, TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Điều 5. Mã định danh sản phẩm, hàng hóa

1. Mã UID được tạo lập tự động trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

2. Việc tạo lập mã UID tuân thủ nguyên tắc, tiêu chuẩn, cấu trúc quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 6. Mã định danh phi tập trung và khoá bí mật, khoá công khai

1. Mỗi tổ chức, cá nhân tham gia Nền tảng chuỗi khối quốc gia được Trung tâm dữ liệu quốc gia tạo lập 01 mã DID duy nhất, cấp khoá bí mật, khoá công khai phục vụ việc định danh xác thực phi tập trung, tạo lập chứng chỉ số, bằng chứng số, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

2. Việc tạo lập mã DID phải gắn với danh tính điện tử của chủ thể theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử và được sử dụng thống nhất trong toàn bộ quá trình ký, chia sẻ và xác nhận, xác thực dữ liệu.

3. Chủ thể được cấp khoá bí mật có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, không chuyển giao quyền kiểm soát trái quy định và thông báo kịp thời cho Trung tâm dữ liệu quốc gia khi có nguy cơ mất an ninh mạng.

4. Việc tạo lập, cấp và sử dụng mã định danh phi tập trung, khoá bí mật, khoá công khai phải tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

5. Trung tâm dữ liệu quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn việc sử dụng mã DID, khoá bí mật, khoá công khai.

Điều 7. Khởi tạo, chia sẻ và xác minh chứng chỉ số, bằng chứng số

1. Hoạt động khởi tạo, chia sẻ và xác minh chứng chỉ số, bằng chứng số phải tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và bảo đảm khả năng kiểm chứng độc lập, giá trị pháp lý của dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu đối với hoạt động khởi tạo, chia sẻ chứng chỉ số, bằng chứng số

a) Chứng chỉ số được tạo lập bởi bên phát hành chứng chỉ số phải đảm bảo mô tả các thuộc tính của đối tượng chứng chỉ số phản ánh, được ký bằng khóa bí mật của bên phát hành chứng chỉ số.

b) Bên phát hành chứng chỉ số có trách nhiệm công bố khóa công khai và mã DID tương ứng, cập nhật dữ liệu về thời điểm phát hành, thời hạn hiệu lực, trạng thái của chứng chỉ số.

c) Việc chia sẻ chứng chỉ số, bằng chứng số phải đảm bảo cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi cần thiết. Chứng chỉ số phải được mã hoá và lưu trữ an toàn, chỉ được tiếp cận bởi bên tạo lập và cung cấp bằng chứng số, bảo đảm khả năng xuất trình khi có yêu cầu hợp lệ.

3. Yêu cầu đối với hoạt động xác minh chứng chỉ số, bằng chứng số

a) Việc xác minh bằng chứng số phải được thực hiện trên cơ sở yêu cầu hợp lệ của bên sử dụng bằng chứng số, trong đó nêu rõ mục đích sử dụng và phạm vi dữ liệu cần xác thực.

b) Việc xác minh chứng chỉ số, bằng chứng số được thực hiện qua mã DID, khóa công khai của các bên nhằm kiểm tra tính toàn vẹn và thời hạn hiệu lực của chứng chỉ số, bằng chứng số.

4. Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp công cụ xác minh và cơ chế tra cứu; bên phát hành chứng chỉ số, bên tạo lập và cung cấp bằng chứng số, bên sử dụng bằng chứng số có trách nhiệm phối hợp thực hiện. Bên phát hành chứng chỉ số chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của chứng chỉ số; bên tạo lập và cung cấp bằng chứng số chịu trách nhiệm về việc tạo lập và cung cấp bằng chứng số; bên sử dụng bằng chứng số chỉ được yêu cầu và sử dụng dữ liệu trong phạm vi, mục đích hợp lệ.

5. Trung tâm dữ liệu quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn việc khởi tạo, chia sẻ, sử dụng chứng chỉ số, bằng chứng số.

Điều 8. Định danh sản phẩm, hàng hóa

1. Định danh sản phẩm, hàng hóa là việc tạo lập và gắn mã UID duy nhất cho sản phẩm, hàng hóa trên Nền tảng quốc gia nhằm nhận diện, xác thực và phục vụ truy xuất nguồn gốc trong toàn bộ vòng đời của sản phẩm, hàng hóa.

2. Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện việc tạo lập tự động mã UID để cấp mã định danh cho sản phẩm, hàng hóa thông qua Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá trong các trường hợp sau:

a) Sau khi tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu tạo lập lần đầu dữ liệu chủ của sản phẩm, hàng hóa trên Ứng dụng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá;

b) Sau khi thông tin về sản phẩm, hàng hóa được kết nối, đồng bộ từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống truy xuất nguồn gốc, hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp vào Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;

c) Trường hợp khác theo yêu cầu quản lý nhà nước.

3. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã có GTIN, mã GTIN được sử dụng làm thông tin tham chiếu, đối chiếu và liên kết dữ liệu với mã UID trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

4. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin để tạo lập dữ liệu chủ và sử dụng mã UID đúng mục đích; bảo đảm tính toàn vẹn của vật mang dữ liệu và cập nhật thông tin khi có thay đổi theo quy định của Nghị định này.

Điều 9. Xác thực sản phẩm, hàng hoá

1. Xác thực sản phẩm, hàng hóa là việc kiểm tra tính toàn vẹn, bất biến, tin cậy của dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá thông qua Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Việc xác thực sản phẩm, hàng hóa, bao gồm:

a) Xác thực dữ liệu trong các công đoạn truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;

b) Xác thực dữ liệu định danh và các dữ liệu khác liên quan đến sản phẩm, hàng hoá.

2. Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia được cung cấp dịch vụ xác thực điện tử đối với sản phẩm, hàng hóa thông qua Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, không phải thực hiện thủ tục đăng ký cung cấp dịch vụ xác thực điện tử theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

Điều 10. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá

1. Việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá được thực hiện thông qua mã UID, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phải được ghi nhận thông qua việc khởi tạo các chứng chỉ số quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này thông qua mã UID nhằm đảm bảo tính toàn vẹn, khả năng xác minh và truy vết

độc lập. Việc ghi nhận thông qua khởi tạo các chứng chỉ số phải được thực hiện tối thiểu tại một trong các công đoạn, thời điểm sau:

- a) Công đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất, trước khi hàng hóa được đưa ra thị trường tiêu thụ đối với hàng hóa sản xuất trong nước;
- b) Thời điểm hoàn tất thủ tục nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu;
- c) Thời điểm hàng hoá được đơn vị bán lẻ xuất hoá đơn và cung cấp cho người tiêu dùng trong chuỗi cung ứng.

Các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm quy định cụ thể các công đoạn tối thiểu phải thực hiện việc khởi tạo chứng chỉ số trong quá trình truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá phù hợp với đặc thù từng nhóm sản phẩm, hàng hoá thuộc phạm vi quản lý.

3. Dữ liệu truy xuất nguồn gốc của từng sản phẩm, hàng hóa trong Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phải bao gồm các thông tin tối thiểu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Việc cấp các chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hoá; giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá; chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn và các giấy tờ khác gắn với sản phẩm, hàng hoá trong quá trình truy xuất nguồn gốc phải đồng thời được thực hiện thông qua việc khởi tạo các chứng chỉ số tương ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này, lưu trữ trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc cơ sở dữ liệu của các đơn vị cấp chứng nhận và được kết nối, đồng bộ đến Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa. Các chứng chỉ số được khởi tạo phải được liên kết với sản phẩm, hàng hoá thông qua mã UID, bảo đảm khả năng xác thực, đối chiếu và truy vết độc lập trong suốt vòng đời sản phẩm, hàng hoá.

Bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tổ chức khởi tạo hoặc chỉ đạo, yêu cầu và bảo đảm các tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cấp các chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hoá; giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá; chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn và các giấy tờ khác gắn với sản phẩm, hàng hoá thực hiện việc khởi tạo các chứng chỉ số tương ứng và ghi nhận, đồng bộ trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; tổng hợp, ban hành danh mục các loại giấy tờ, chứng nhận gắn với sản phẩm, hàng hoá thuộc phạm vi quản lý phải thực hiện khởi tạo chứng chỉ số, đồng thời cập nhật, điều chỉnh danh mục này khi có thay đổi theo quy định của pháp luật.

5. Các chứng chỉ số về chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hoá; chứng nhận xuất xứ hàng hoá; chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn và các giấy tờ khác gắn với sản phẩm, hàng hoá đã được khởi tạo trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá có giá trị sử dụng như bản chính.

Chương III
NỀN TẢNG QUỐC GIA VỀ ĐỊNH DANH, XÁC THỰC VÀ
TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ; CƠ SỞ DỮ LIỆU
QUỐC GIA VỀ SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Điều 11. Nền tảng chuỗi khối quốc gia

1. Nền tảng chuỗi khối quốc gia phục vụ việc hình thành và vận hành các hệ thống, nền tảng, ứng dụng khác có yêu cầu xác nhận, xác thực dữ liệu (trong đó bao gồm Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa) thông qua cơ chế ghi nhận, lưu vết và đối chiếu trên nền tảng chuỗi khối quốc gia bằng việc sử dụng mã định danh phi tập trung và khóa công khai, khoá bí mật hoặc các phương thức phù hợp với quy định pháp luật về dữ liệu.

Trong thời gian và phạm vi do chủ sở hữu dữ liệu quyết định, dữ liệu sau khi được xác thực thông qua Nền tảng chuỗi khối quốc gia có giá trị pháp lý tương đương dữ liệu gốc được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc cơ sở dữ liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các lớp ứng dụng, dịch vụ số và hệ thống thông tin được phát triển trên Nền tảng chuỗi khối quốc gia được thực hiện theo mô hình hợp tác công tư theo quy định của pháp luật về hợp tác công tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nhà nước quản lý, giám sát và kiểm soát tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn, an ninh dữ liệu; tổ chức, doanh nghiệp tham gia hợp tác chịu trách nhiệm phát triển, cung cấp và vận hành các ứng dụng theo phạm vi được phê duyệt.

Điều 12. Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá

1. Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá được xây dựng và vận hành trên Nền tảng chuỗi khối quốc gia phục vụ hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá theo quy định tại Nghị định này, bao gồm:

- a) Tạo lập mã UID duy nhất cho sản phẩm, hàng hoá;
- b) Ghi nhận, khởi tạo, lưu trữ các chứng chỉ số tương ứng với các chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hoá; giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá; giấy tờ khác gắn với sản phẩm, hàng hoá; dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá và các sự kiện trọng yếu trong hoạt động truy xuất nguồn gốc;
- c) Xác thực sản phẩm, hàng hoá theo quy định tại Nghị định này;
- d) Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và chuyển đổi số quốc gia;
- đ) Hỗ trợ quản lý, chỉ đạo, điều hành của cấp có thẩm quyền;
- e) Phục vụ công tác phòng, chống tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm, hàng hoá;

g) Tạo lập mã định danh các đơn vị và các cơ sở của các đơn vị có tham gia trong chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa;

h) Xác thực các đơn vị và các cơ sở của các đơn vị có tham gia trong chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa;

i) Tạo lập và quản lý các sự kiện trọng yếu bắt buộc trong chuỗi cung ứng và quy trình chuỗi cung ứng cho từng danh mục sản phẩm thuộc từng ngành hàng cụ thể;

k) Các mục đích khác theo quy định của pháp luật và theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Việc ghi nhận trên Nền tảng chuỗi khối quốc gia bao gồm tối thiểu các thông tin về mã DID, khóa công khai và các phương thức xác minh tương ứng của các chủ thể tham gia phát hành, tạo lập, cung cấp và xác minh chứng chỉ số, bằng chứng số; đồng thời bảo đảm khả năng đối chiếu, kiểm tra tính hợp lệ của chứng chỉ số, bằng chứng số gắn với mã UID trong suốt vòng đời sản phẩm, hàng hoá.

3. Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia là đơn vị trực tiếp quản trị, vận hành Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an triển khai, bảo đảm kết nối, vận hành và khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 13. Cơ chế kết nối, liên thông của Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá

1. Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia sử dụng hạ tầng sẵn có của Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ tổ chức quản trị, vận hành, khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, thực hiện việc định danh, xác thực sản phẩm, hàng hóa thông qua cơ chế chứng chỉ số, bằng chứng số theo quy định của Nghị định này; điều phối, chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu; được phép thuê chuyên gia, đơn vị, tổ chức có đủ điều kiện năng lực để hỗ trợ việc quản lý, vận hành, khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nghiệp vụ quản lý với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực, địa bàn phụ trách, tạo lập, cập nhật, thu hồi các chứng chỉ số, bằng chứng số cho các chứng nhận, quản lý danh mục sản phẩm thuộc phạm vi phụ trách và kết nối, đồng bộ dữ liệu với Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá theo quy định.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá thực hiện kết nối, tích hợp, tạo lập, cập nhật dữ liệu với Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; ghi nhận các sự kiện trong chuỗi cung ứng, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và tuân thủ quy định chuyên ngành.

4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân được thực hiện truy xuất, xác thực thông tin sản phẩm, hàng hoá thông qua Ứng dụng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quy định tại Điều 14 Nghị định này.

5. Trung tâm dữ liệu quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương với Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; tổ chức tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật để các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ.

Điều 14. Ứng dụng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá

1. Ứng dụng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá là công cụ thuộc Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, phục vụ cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thực hiện hoạt động định danh, tạo lập, cập nhật, chia sẻ, xác thực và truy xuất dữ liệu liên quan đến sản phẩm, hàng hoá trên môi trường điện tử.

2. Ứng dụng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá có các tính năng chính sau đây:

a) Cung cấp công cụ tra cứu, xác thực thông tin nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và lịch sử lưu thông của sản phẩm, hàng hoá thông qua việc quét mã QR thể hiện trên vật mang dữ liệu có chứa mã UID; hỗ trợ kiểm tra, xác minh chứng chỉ số, bằng chứng số và trạng thái mã định danh sản phẩm, hàng hoá;

b) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp ghi nhận, cập nhật các sự kiện phát sinh trong chuỗi cung ứng theo phân quyền được xác lập; phục vụ việc quản lý lô hàng, quản lý vòng đời sản phẩm và bảo đảm tính đầy đủ, kịp thời của dữ liệu truy xuất;

c) Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến hành vi vi phạm trong hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; thực hiện phân luồng, chuyên xử lý theo thẩm quyền và thông báo kết quả theo quy định.

Điều 15. Cổng thông tin quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá

1. Cổng thông tin quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá là hệ thống thông tin điện tử do Bộ Công an quản lý, vận hành, thực hiện chức năng của Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm,

hàng hoá quốc gia theo quy định tại Nghị định 37/2025/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và các chức năng sau đây:

a) Công bố chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, Cơ sở quốc gia về sản phẩm, hàng hoá;

b) Cung cấp tài liệu hướng dẫn, quy trình nghiệp vụ, yêu cầu kỹ thuật phục vụ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình triển khai, kết nối và khai thác Nền tảng quốc gia;

c) Cập nhật thông tin tổng hợp về các cá nhân, tổ chức tham gia Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, tình hình triển khai, kết quả thực hiện, số liệu thống kê và báo cáo định kỳ liên quan đến hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá;

đ) Thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin khác theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia quyết định.

2. Cổng thông tin quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá được kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

3. Việc cung cấp, khai thác và sử dụng thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng đăng nhập, sử dụng các tính năng, tiện ích trên Cổng thông tin quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá có địa chỉ truyxuatquocgia.gov.vn hoặc vntrace.gov.vn hoặc dinhdanhanghoa.gov.vn hoặc các tiện ích khác trên các ứng dụng, phần mềm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đã được kết nối với Cổng thông tin quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

Điều 16. Quản trị, vận hành Nền tảng chuỗi khối quốc gia, Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá

1. Nền tảng chuỗi khối quốc gia, Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá được quản trị, vận hành tập trung, thống nhất nhằm bảo đảm hoạt động liên tục, ổn định, an toàn và phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

2. Nền tảng chuỗi khối quốc gia, Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá phải được thiết kế, xây dựng,

bảo đảm an ninh, an toàn để quản lý định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá phục vụ quốc phòng, an ninh, lưỡng dụng.

3. Việc quản trị, vận hành Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá bao gồm:

a) Xây dựng các quy trình nghiệp vụ để quản trị, vận hành Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá;

b) Xây dựng và thực hiện các giải pháp về an ninh mạng;

c) Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ, sao lưu, dự phòng, phục hồi dữ liệu, các giải pháp về đảm bảo hiệu suất vận hành cao và sẵn sàng hệ thống cao;

d) Tổ chức bộ máy hoặc bộ phận chuyên môn và cán bộ chuyên trách vận hành Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá;

đ) Đảm bảo đầy đủ, kịp thời kinh phí xây dựng và vận hành Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

Điều 17. Bảo đảm nguồn lực xây dựng, phát triển và vận hành Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá

1. Việc xây dựng, phát triển, quản trị và vận hành Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu của Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí kinh phí, nhân lực, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện cần thiết để xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý và bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá theo quy định của Nghị định này.

3. Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ, giải pháp kỹ thuật, hạ tầng, vận hành và khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá theo cơ chế thị trường và hợp tác công tư phù hợp với quy định của pháp luật; việc lựa chọn tổ chức tham gia được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm an ninh mạng.

Điều 18. Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá bao gồm dữ liệu chủ và dữ liệu phát sinh của sản phẩm, hàng hoá trong toàn bộ vòng đời, bảo đảm nhận diện thống nhất, đối chiếu, xác thực và truy vết, đáp ứng tối thiểu các mục tiêu sau đây:

a) Tạo lập dữ liệu định danh thống nhất cho sản phẩm, hàng hoá trên phạm vi toàn quốc;

b) Hỗ trợ xác thực nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và lịch sử lưu thông của sản phẩm, hàng hoá;

c) Phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành, thanh tra, kiểm tra, phòng chống gian lận thương mại và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

d) Phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp;

đ) Phục vụ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số và xã hội số.

2. Việc tạo lập, thu thập, cập nhật, khai thác và chia sẻ dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá được thực hiện theo quy định tại Chương V, VI Nghị định này và đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đúng phạm vi; bảo đảm công khai, minh bạch đối với thông tin được phép công khai;

b) Dữ liệu được xác thực tại nguồn bởi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tạo lập hoặc cung cấp; cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dữ liệu chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, hợp pháp của dữ liệu;

c) Chuẩn hoá theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thống nhất; bảo đảm không trùng lặp, có khả năng liên thông giữa các hệ thống thông tin;

d) Bảo đảm toàn vẹn, truy vết, khả năng kiểm chứng độc lập; có cơ chế quản lý, lưu vết thay đổi;

đ) Bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Công an là cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá. Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia là đơn vị quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá; tổ chức bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an ninh mạng, sao lưu, khôi phục, giám sát, ghi nhật ký và vận hành liên tục, ổn định.

4. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá chuẩn hoá, kết nối, đồng bộ và khai thác theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

5. Thông tin chính trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá bao gồm:

a) Thông tin định danh sản phẩm, hàng hoá: tên sản phẩm; nhãn hiệu (nếu có); nhóm/ngành hàng; mã UID; mã số sản phẩm toàn cầu (GTIN) (nếu có); mã sản phẩm nội bộ do nhà sản xuất quy định;

b) Thông tin về lô/mẻ, đơn vị đóng gói (nếu áp dụng): số lô/mã lô; ngày sản xuất; hạn sử dụng; quy cách đóng gói; trọng lượng/thể tích; mã đơn vị cung cấp dịch vụ logistics theo tiêu chuẩn GS1 (nếu có);

c) Thông tin về tổ chức, cá nhân liên quan: tên; số định danh tổ chức/cá nhân; địa chỉ; thông tin liên hệ; vai trò của chủ thể (nhà sản xuất/nhà nhập

khẩu/nhà phân phối/bán lẻ/đơn vị cung cấp dịch vụ logistics hoặc chủ thể khác có liên quan);

d) Thông tin về tiêu chuẩn, chất lượng và sự phù hợp (theo yêu cầu quản lý chuyên ngành và theo loại hàng hoá): tiêu chuẩn áp dụng; chứng nhận, giấy phép, kết quả kiểm nghiệm/kiểm định (nếu có); số công bố/số đăng ký lưu hành hoặc thông tin tương đương (nếu thuộc diện quản lý chuyên ngành);

đ) Thông tin truy xuất nguồn gốc tại các công đoạn tối thiểu;

e) Thông tin cảnh báo, vi phạm, thu hồi (nếu phát sinh): cảnh báo rủi ro; kết luận kiểm tra/giám sát; biện pháp xử lý; tình trạng thu hồi, khuyến cáo người tiêu dùng.

6. Trường thông tin bổ sung theo ngành, lĩnh vực; theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước; hoặc theo nhu cầu của tổ chức, doanh nghiệp có thể bao gồm: mô tả chi tiết; thành phần, nguyên liệu; công dụng; hướng dẫn sử dụng/bảo quản; hình ảnh; tài liệu kỹ thuật; dữ liệu vùng nguyên liệu; thông tin giao dịch, lưu thông, logistics; thông tin sở hữu, quản lý, sử dụng (trường hợp pháp luật có quy định và bảo đảm bảo vệ dữ liệu cá nhân).

7. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định cụ thể thông tin về sản phẩm, hàng hoá thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá.

Chương IV

HẠ TẦNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HỆ THỐNG PHẦN MỀM CỦA NỀN TẢNG QUỐC GIA VỀ ĐỊNH DANH, XÁC THỰC VÀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ, CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Điều 19. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá

Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá bao gồm các nhóm thiết bị chủ yếu sau:

1. Thiết bị xử lý trung tâm.
2. Thiết bị lưu trữ, sao lưu, phục hồi dữ liệu.
3. Thiết bị mạng, truyền dẫn, định tuyến, cân bằng tải.
4. Thiết bị bảo mật, an ninh mạng, thiết bị mã hóa, xác thực.
5. Thiết bị môi trường, năng lượng và phụ trợ kỹ thuật.
6. Thiết bị đầu cuối, thiết bị giao tiếp dữ liệu chuyên dụng.
7. Máy tính trạm và các thiết bị khác có liên quan.

8. Phần mềm quản trị hệ thống và công cụ quản lý, vận hành hạ tầng.
9. Phần mềm tích hợp, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu.
10. Thiết bị, phần mềm giám sát, quản lý hiệu năng và bảo đảm chất lượng dịch vụ.
11. Thiết bị, phần mềm dự phòng.

Điều 20. Hệ thống phần mềm của Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa

1. Hệ thống phần mềm của Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin có liên quan, bao gồm:

- a) Đáp ứng về giải pháp truy cập và dịch vụ phân phối dữ liệu;
- b) Đáp ứng về giải pháp chia sẻ, tích hợp;
- c) Đáp ứng quy mô triển khai trên phạm vi toàn quốc;
- d) Đáp ứng phục vụ cho các nhóm người dùng khác nhau trong quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác thông tin, dữ liệu;
- đ) Đa dạng hóa hình thức sử dụng, trải nghiệm trên các ứng dụng di động;
- e) Cho phép người dùng phản hồi, báo lỗi dữ liệu trong quá trình sử dụng.

2. Hệ thống phần mềm của Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá bao gồm các nhóm ứng dụng chủ yếu sau:

- a) Nhóm quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu;
- b) Nhóm khai thác, cung cấp thông tin;
- c) Nhóm phục vụ quản lý, điều hành;
- d) Nhóm tích hợp và chia sẻ dữ liệu;
- đ) Nhóm hỗ trợ vận hành và bảo trì;
- e) Các nhóm phần mềm hỗ trợ khác có liên quan.

Điều 21. Xây dựng, vận hành hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và hệ thống phần mềm của Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa

1. Việc xây dựng và vận hành Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa bao gồm các hoạt động:

- a) Thiết lập, nâng cấp, duy trì hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin;

b) Xây dựng, nâng cấp hệ thống phần mềm để quản lý, vận hành, khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá;

c) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực người vận hành hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và hệ thống phần mềm.

2. Cơ quan, tổ chức liên quan đến hoạt động định danh, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá phải thiết lập, bố trí hạ tầng kỹ thuật đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá.

3. Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia là chủ quản dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá, thực hiện quản trị, khai thác, kết nối, cung ứng dữ liệu theo quy định của pháp luật; các hoạt động kết nối kỹ thuật, điều phối, giám sát được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị và các quy định về khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia.

Chương V

THU THẬP, TẠO LẬP, CẬP NHẬT, KẾT NỐI, CHIA SẺ, CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Điều 22. Thu thập, tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá

1. Thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá được thu thập, tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, cung cấp từ các nguồn sau đây:

a) Thông tin đăng ký, khai báo, cung cấp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, phân phối, bán lẻ, logistics và các chủ thể khác trong chuỗi cung ứng;

b) Thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương và cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Thông tin, dữ liệu từ tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức chứng nhận, tổ chức thử nghiệm/kiểm định, tổ chức giám định và các tổ chức có chức năng theo quy định của pháp luật;

d) Thông tin, dữ liệu phát sinh từ hoạt động quản lý nhà nước: thanh tra, kiểm tra, giám sát thị trường; xử lý vi phạm; thu hồi sản phẩm, hàng hoá; cảnh báo rủi ro;

đ) Thông tin, dữ liệu từ sàn thương mại điện tử, nền tảng số về phân phối hàng hoá, hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc thu thập, tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu:

a) Bảo đảm thông tin, dữ liệu được cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời; cập nhật ngay khi có thay đổi hoặc phát sinh;

b) Thực hiện xác thực chủ thể cung cấp dữ liệu và bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu theo quy định của pháp luật;

c) Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cấu trúc và định dạng dữ liệu; tuân thủ quy định về kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm an ninh mạng.

3. Cơ quan nhà nước và nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa phải thực hiện quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có trách nhiệm tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu như sau:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm tạo lập và cung cấp đầy đủ, kịp thời dữ liệu chủ của sản phẩm, hàng hoá do mình sản xuất, nhập khẩu; dữ liệu về lô/mẻ, đóng gói; cập nhật, bổ sung dữ liệu phát sinh về sản phẩm, hàng hoá phải khởi tạo chứng chỉ số;

b) Tổ chức, cá nhân phân phối, bán buôn, bán lẻ; đơn vị cung cấp dịch vụ logistics có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu phát sinh trong quá trình lưu thông, lưu kho, vận chuyển, giao nhận và các sự kiện truy xuất liên quan theo phạm vi tham gia chuỗi cung ứng;

c) Sàn thương mại điện tử, nền tảng số có hoạt động kinh doanh, phân phối sản phẩm, hàng hoá có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin định danh người bán (theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật về thương mại điện tử) và dữ liệu phục vụ truy xuất đối với hàng hoá kinh doanh trên nền tảng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

d) Tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức chứng nhận, thử nghiệm, kiểm định, giám định có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chứng nhận, kết quả thử nghiệm/kiểm định mà mình thực hiện; bảo đảm tính xác thực của dữ liệu theo quy định;

đ) Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu phát sinh từ hoạt động quản lý nhà nước theo chức năng quản lý ngành, lĩnh vực, địa bàn và theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

Điều 23. Chia sẻ, kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa

1. Bộ Công Thương phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về sản xuất, lưu thông, phân phối, thương mại điện tử, xuất nhập khẩu, logistics, quản lý thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hoạt động kinh doanh hàng hoá và các dữ liệu chuyên ngành liên quan đến sản phẩm, hàng hoá.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về vùng nguyên liệu, trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, kiểm dịch, an toàn thực phẩm, mã số vùng trồng, mã cơ sở nuôi, kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản và các dữ liệu chuyên ngành liên quan.

3. Bộ Y tế phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về dược phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế, an toàn thực phẩm, kiểm nghiệm, cấp phép lưu hành, chứng nhận, cảnh báo chất lượng và các dữ liệu quản lý chuyên ngành liên quan đến sản phẩm, hàng hoá thuộc lĩnh vực y tế.

4. Bộ Tài chính phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về hải quan, thuế, hóa đơn điện tử, xuất nhập khẩu, giá, giao dịch tài chính liên quan đến sản phẩm, hàng hoá và các dữ liệu quản lý chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

5. Bộ Tư pháp phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng, thi hành án dân sự và các thông tin pháp lý khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ phát sinh đối với sản phẩm, hàng hoá.

6. Thanh tra Chính phủ phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập, kết luận thanh tra, kiến nghị xử lý và các thông tin liên quan đến hành vi vi phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông sản phẩm, hàng hoá theo quy định của pháp luật.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu chuyên ngành liên quan đến sản phẩm, hàng hoá theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thu thập, cập nhật, chia sẻ thông tin, dữ liệu về sản xuất, kinh doanh, lưu thông, kiểm tra, xử lý vi phạm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá tại địa phương và bảo đảm kết nối, liên thông với Nền tảng quốc gia.

9. Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia tổ chức tiếp nhận, điều phối, kiểm soát việc kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu; bảo đảm thông tin, dữ liệu được chia sẻ đúng mục đích, phạm vi, thẩm quyền; bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Hình thức, tần suất chia sẻ, kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Việc chia sẻ, kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện theo nguyên tắc đa dạng phương thức, bảo đảm thuận lợi cho chủ thể cung cấp thông tin, dữ liệu, phù hợp với mức độ sẵn sàng về hạ tầng công nghệ và yêu cầu quản lý nhà nước.

2. Việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá được thực hiện thông qua giao diện lập trình ứng dụng, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu hoặc phương thức kỹ thuật tương đương, bảo đảm tích hợp với Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

3. Hình thức cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu của tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia chuỗi cung ứng:

a) Kết nối, truyền dữ liệu tự động thông qua giao diện lập trình ứng dụng tích hợp với hệ thống quản trị của doanh nghiệp, máy tính tiền theo quy định pháp luật về hoá đơn, chứng từ, hệ thống quản lý kho, logistics hoặc hệ thống thông tin nội bộ khác;

b) Cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu thông qua Ứng dụng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá hoặc các kênh truy cập hợp pháp khác do Bộ Công an tổ chức triển khai;

c) Trường hợp cần thiết, dữ liệu có thể được cung cấp thông qua biểu mẫu điện tử, tệp dữ liệu chuẩn hoá hoặc phương thức kỹ thuật phù hợp khác bảo đảm khả năng tích hợp vào Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá;

d) Dữ liệu được đồng bộ trên Ứng dụng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá phải bảo đảm cơ chế phân quyền, chia sẻ và chuyên tiếp dữ liệu giữa các bên trong chuỗi cung ứng theo phạm vi tham gia, bảo đảm không trùng lặp khai báo, không yêu cầu nhập lại dữ liệu đã được xác thực hợp lệ.

4. Tần suất cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu:

a) Thông tin, dữ liệu phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông, giao dịch được cung cấp theo thời gian thực hoặc ngay khi phát sinh sự kiện;

b) Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện kỹ thuật để cung cấp theo thời gian thực, thông tin, dữ liệu phải được cập nhật chậm nhất trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự kiện hoặc trong ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp phát sinh ngoài giờ hành chính, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến tính chính xác, kịp thời và khả năng truy xuất của dữ liệu.

5. Trước khi thực hiện kết nối kỹ thuật, cơ quan, đơn vị chia sẻ, kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu phải đăng tải dữ liệu đặc tả (Metadata) đầy đủ lên từ điển dữ liệu dùng chung theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 25. Xử lý, khai thác thông tin, dữ liệu

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, xử lý thông tin, dữ liệu trước khi được tích hợp và lưu trữ vào Nền tảng quốc gia định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, cơ sở dữ liệu sản phẩm, hàng hóa để đảm bảo tính chính xác, hợp lý, thống nhất, bao gồm:

a) Các thông tin, dữ liệu được rà soát, làm sạch đảm bảo không trùng lặp;

b) Đảm bảo thông tin, dữ liệu cập nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa được xác minh thông qua chứng chỉ số, bằng chứng số theo quy định;

c) Đảm bảo thông tin, dữ liệu được xác thực điện tử về chủ thể cung cấp, cấp dấu thời gian, lưu dấu vết truy cập.

2. Trường hợp thu hồi và khai báo lại thông tin, dữ liệu trên Nền tảng quốc gia định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa, cơ quan quản lý có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, rà soát, cập nhật trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức có liên quan. Trường hợp thông tin đã khai báo có sai sót trước khi sản phẩm được đưa ra lưu thông trên thị trường, tổ chức, cá nhân được phép đề nghị thu hồi thông tin để khai báo lại theo quy định; việc thu hồi được thực hiện bằng hình thức cập nhật trạng thái dữ liệu trên hệ thống, bảo đảm lưu vết lịch sử và không làm mất dữ liệu gốc. Thông tin đã thu hồi không còn giá trị sử dụng trong hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu được cung cấp, cập nhật.

3. Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia là đơn vị vận hành, quản lý, nâng cấp Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và thu thập, tổng hợp, phân tích, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Điều 26. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, cập nhật và cung cấp thông tin, dữ liệu trong hoạt động định danh, xác thực và truy vết dữ liệu

1. Chấp hành đúng quy trình thu thập, cập nhật và cung cấp thông tin, dữ liệu định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá theo quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin, dữ liệu do mình cung cấp; trường hợp cung cấp thông tin, dữ liệu sai lệch, không đầy đủ hoặc không kịp thời gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Cập nhật, thông báo kịp thời khi thông tin, dữ liệu có sự thay đổi hoặc sai sót.

4. Được từ chối yêu cầu về cung cấp thông tin, dữ liệu trong trường hợp trái với quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Lưu trữ, bảo quản hồ sơ, tài liệu làm căn cứ đối chiếu, kiểm tra, xác minh khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

6. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ, NỀN TẢNG QUỐC GIA VỀ ĐỊNH DANH, XÁC THỰC VÀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Điều 27. Khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá

1. Việc khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đúng phạm vi; có mô tả mục đích khai thác rõ ràng; thực hiện theo cơ chế phân quyền, giám sát;

b) Bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; đối với dữ liệu nhạy cảm phải được ẩn danh hoặc áp dụng cơ chế cấp quyền truy cập đặc biệt theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan nhà nước được khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực, ngành nghề quản lý để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng chống gian lận thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật; việc khai thác được thực hiện thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu và chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo phân quyền để:

a) Quản lý sản phẩm, hàng hoá do mình tạo lập hoặc tham gia chuỗi cung ứng; thực hiện nghĩa vụ truy xuất nguồn gốc, công bố, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật;

b) Xác thực sản phẩm, hàng hoá và phòng, chống hàng giả; hỗ trợ quản trị rủi ro, thu hồi, bảo hành sản phẩm, hàng hoá;

c) Tra cứu các thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 5 Điều 23 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

4. Tổ chức, cá nhân đã kê khai, cung cấp thông tin, dữ liệu trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá được khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình đã kê khai, cung cấp.

Điều 28. Hình thức khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá

Việc khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá được thực hiện bằng các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp thông qua cổng thông tin/ứng dụng của Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

2. Qua kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.
3. Qua sàn dữ liệu.
4. Qua văn bản đề nghị cung cấp thông tin, dữ liệu.

Điều 29. Trình tự, thủ tục khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác thông tin, dữ liệu về Nền tảng quốc gia định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá theo quy định tại Nghị định này gửi Phiếu đề nghị cấp quyền khai thác thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này đến Trung tâm dữ liệu quốc gia.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu đề nghị cấp quyền khai thác thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá, Trung tâm dữ liệu quốc gia xem xét cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng bằng hình thức điện tử hoặc theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối phải trả lời và nêu rõ lý do theo mẫu tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này.

Điều 30. Chi phí khai thác thông tin, dữ liệu

1. Việc khai thác thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước là không thu phí, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Việc khai thác thông tin, dữ liệu trong trường hợp không thuộc khoản 1 Điều này được thực hiện theo cơ chế thu giá dịch vụ khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật về giá.

Điều 31. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu trong hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá

1. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Nghị định này và các quy định của cấp có thẩm quyền về quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

2. Không được cung cấp cho bên thứ ba thông tin, dữ liệu do cơ quan có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

3. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã thu thập.

4. Được quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng dữ liệu của mình.

5. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Chương VII
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI
HOẠT ĐỘNG ĐỊNH DANH, XÁC THỰC, TRUY XUẤT NGUỒN GỐC
SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Thực hiện xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa.

2. Chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan ngang bộ:

a) Xây dựng quy trình hướng dẫn việc thu thập, cập nhật, khai thác, chia sẻ, kết nối giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;

b) Bảo đảm an ninh mạng, phòng chống gian lận, giả mạo, tội phạm công nghệ cao liên quan đến hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

3. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trên phạm vi cả nước về xây dựng, quản lý, khai thác, kết nối, chia sẻ, cập nhật, sử dụng Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa.

4. Tổng hợp tình hình thực hiện của các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong việc chuẩn hóa, thu thập, chia sẻ, kết nối và liên thông dữ liệu; báo cáo Chính phủ xem xét, xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; sử dụng nguồn vốn được bố trí để xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm, xây dựng cơ sở dữ liệu và duy trì hoạt động thường xuyên của Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa tuân theo các quy định hiện hành; đầu mối tiếp nhận, tổng hợp các thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hóa do các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương chia sẻ, cung cấp.

5. Công khai các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Nghị định này trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

6. Chủ trì, phối hợp, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Bộ Công an xây dựng, ban hành các quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá.

Điều 34. Trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Tài chính

Phối hợp với Bộ Công an bố trí kinh phí thường xuyên cho hoạt động của Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

Điều 35. Trách nhiệm và quyền hạn của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý sản phẩm, hàng hoá theo lĩnh vực.

2. Tổ chức xây dựng, hoàn thiện và vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý; bảo đảm các hệ thống, cơ sở dữ liệu, cổng truy xuất nguồn gốc được kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá theo quy định của Nghị định này và hướng dẫn có liên quan; khai thác dữ liệu từ Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá để phục vụ công tác theo dõi, giám sát, tổng hợp, phân tích và báo cáo theo yêu cầu quản lý thuộc phạm vi quản lý của mình.

3. Quy định các công đoạn tối thiểu phải thực hiện việc khởi tạo chứng chỉ số trong quá trình truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; xác định danh mục sản phẩm, hàng hoá rủi ro cao phải thực hiện định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc và lộ trình thực hiện quản lý theo quy định tại Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

4. Khởi tạo hoặc yêu cầu, đảm bảo các đơn vị cấp chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hoá; giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá; giấy tờ khác gắn với sản phẩm, hàng hoá theo quy định pháp luật khởi tạo các chứng chỉ số tương ứng với các chứng nhận do bộ quản lý theo ngành, lĩnh vực và ghi nhận tại Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá. Ban hành danh mục các giấy tờ gắn với sản phẩm, hàng hoá theo quy định pháp luật và cập nhật định kỳ khi có sự thay đổi.

Điều 36. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

1. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại địa phương phối hợp thu thập, cập nhật dữ liệu về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá tại địa phương.

2. Xây dựng phương án khai thác, cập nhật, chia sẻ, sử dụng và tổ chức hệ thống thông tin có khả năng tích hợp với Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

3. Tổ chức xây dựng, hoàn thiện và vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; bảo đảm các hệ thống, cơ sở dữ liệu, cổng truy xuất nguồn gốc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá theo quy định của Nghị định này và hướng dẫn liên quan; khai thác dữ liệu từ Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá để phục vụ công tác quản lý, theo dõi, giám sát, tổng hợp, phân tích và báo cáo tình hình định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá

Bãi bỏ cụm từ “Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia” tại điểm c khoản 2 Điều 24, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 25, khoản 4 Điều 33, khoản 2 Điều 93, điểm a khoản 7 Điều 95.

Điều 38. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành; trừ quy định tại Điều 39 Nghị định này.

Điều 39. Quy định chuyển tiếp

1. Việc định danh, truy xuất nguồn gốc, xác thực đối với sản phẩm, hàng hoá có mức độ rủi ro cao được thực hiện theo danh mục sản phẩm, hàng hoá có mức độ rủi ro cao và lộ trình bắt buộc áp dụng truy xuất nguồn gốc do các bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành theo quy định tại Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổ chức xây dựng, hoàn thiện và đưa vào vận hành các hệ thống, cổng thông tin, nền tảng phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá thuộc phạm vi quản lý trước ngày 01 tháng 04 năm 2027, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá theo quy định tại Nghị định này.

Điều 40. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (5b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phụ lục I**QUY ĐỊNH VỀ MÃ ĐỊNH DANH SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ (MÃ UID)**

(Kèm theo Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026)

1. Nguyên tắc và tiêu chuẩn áp dụng

Mã định danh sản phẩm, hàng hoá (UID) được xây dựng trên cơ sở tuân thủ:

- a) Tiêu chuẩn quốc tế của GS1 về mã số, mã vạch (GTIN, SGTIN, SSCC và các tiêu chuẩn có liên quan);
- b) Chuẩn W3C về định danh phi tập trung;
- c) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13274:2020 về truy xuất nguồn gốc - hướng dẫn định dạng các mã dùng trong truy vết;
- d) Chuẩn GS1 Digital Link trong cấu trúc mã QR.

2. Cấu trúc mã định danh sản phẩm, hàng hoá

a) Mã định danh sản phẩm, hàng hoá được thể hiện dưới dạng mã QR theo chuẩn GS1 Digital Link; bảo đảm khả năng đọc, giải mã, xác thực và truy xuất trên phạm vi quốc gia và quốc tế.

b) Mã định danh sản phẩm, hàng hoá được xây dựng trên cơ sở áp dụng mã nhận diện trường dữ liệu (Application Identifier - AI) theo tiêu chuẩn của tổ chức GS1, bảo đảm khả năng liên thông quốc tế, tương thích với chuẩn GS1 Digital Link và các tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

c) Mã định danh sản phẩm, hàng hoá bắt buộc phải bao gồm mã nhận diện trường dữ liệu “01” theo tiêu chuẩn GS1 để thể hiện Mã số sản phẩm toàn cầu (GTIN), làm căn cứ định danh.

d) Đối với sản phẩm, hàng hoá có mức độ rủi ro cao và yêu cầu định danh đến từng đơn vị sản phẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này, mã định danh sản phẩm, hàng hoá bắt buộc phải bao gồm mã nhận diện trường dữ liệu “21” theo tiêu chuẩn GS1 để thể hiện số định danh đơn nhất (serial) của từng đơn vị sản phẩm, hàng hoá, bảo đảm khả năng định danh đến từng cá thể trên phạm vi toàn cầu.

đ) Việc sử dụng các mã nhận diện trường dữ liệu khác theo tiêu chuẩn GS1 như mã ngày hết hạn, mã tham chiếu nội bộ hoặc các trường dữ liệu bổ sung được thực hiện phù hợp với yêu cầu quản lý chuyên ngành, đặc thù sản phẩm, hàng hoá và quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Phụ lục II*(Kèm theo Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026)***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*..., ngày ... tháng ... năm ...***PHIẾU ĐỀ NGHỊ****Cấp quyền khai thác thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá**

Kính gửi: Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu:.....
Người đại diện (nếu có):
Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu.....
cấp ngày/...../..... tại; quốc tịch
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại; fax; E-mail:
4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:.....
5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:.....
6. Thời hạn truy cập, sử dụng thông tin:
 01 tháng 03 tháng 06 tháng 12 tháng
7. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả:
 Bản giấy Nhận tại nơi cung cấp Lưu trữ điện tử USB
 Gửi EMS theo địa chỉ Tài khoản truy cập Email
8. Cam kết sử dụng dữ liệu: Tôi cam đoan không sử dụng dữ liệu được cung cấp trái với quy định của pháp luật và không cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào khác.

NGƯỜI YÊU CẦU*(Ký, ghi rõ họ tên**và đóng dấu nếu là cơ quan, tổ chức)*

Phụ lục III*(Kèm theo Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026)***BỘ CÔNG AN
TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTDLQG

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...***THÔNG BÁO****Cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá**

Kính gửi:

Ngày.../.../....., Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an nhận được Phiếu đề nghị cấp quyền khai thác thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá của..... (Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu; đại diện là ông (bà): ... Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếucấp ngày .../.../.... tại; Quốc tịch; Địa chỉ; điện thoại liên hệ; email...).

Sau khi xem xét, Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an đồng ý cung cấp các thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá cho (tổ chức, cá nhân) bao gồm:

1. Thông tin, dữ liệu: (liệt kê theo khả năng đáp ứng cung cấp thông tin)

2. Thời hạn sử dụng thông tin: 01 tháng 03 tháng 06 tháng 12 tháng

Thời gian bắt đầu cung cấp thông tin:/...../.....

3. Hình thức khai thác, sử dụng:

Bản giấy Nhận tại nơi cung cấp Lưu trữ điện tử USB

Gửi EMS theo địa chỉ Tài khoản truy cập Email

4. Mức tiền chi trả cho dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản:..... đồng.

5. Hình thức nộp tiền:..... (tuỳ theo thông tin yêu cầu cung cấp để xác định)

6. Đề nghị (tổ chức, cá nhân) sử dụng thông tin, dữ liệu được cung cấp đúng quy định của pháp luật; không cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba khác.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

GIÁM ĐỐC*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục IV*(Kèm theo Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026)***BỘ CÔNG AN
TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTDLQG

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...***THÔNG BÁO****Từ chối cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá**

Kính gửi:

Ngày.../.../....., Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an nhận được Phiếu đề nghị cấp quyền khai thác thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá của..... (Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu; đại diện là ông (bà): Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếucấp ngày .../.../.... tại; Quốc tịch; Địa chỉ; điện thoại liên hệ; email...).

Sau khi xem xét, Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an từ chối cung cấp các thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá cho (tổ chức, cá nhân).

Lý do:

- Chưa đủ thông tin, dữ liệu để cung cấp theo yêu cầu.
- Tổ chức, cá nhân chưa cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu tại Phiếu đề nghị cấp quyền khai thác thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá.
- Lý do khác:.....

Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an thông báo để (tổ chức, cá nhân) được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

GIÁM ĐỐC*(Ký và ghi rõ họ tên)*